

ISSN 0868-3808 TRUNG TÂM KINH TẾ CHÂU Á - THÁI BÌNH DƯƠNG

# Kinh tế

## Châu Á - Thái Bình Dương

ASIA - PACIFIC ECONOMIC REVIEW

Liên kết doanh nghiệp FDI và doanh nghiệp trong nước  
Chuyển đổi số ngành bán lẻ dược phẩm ở Việt Nam  
Ứng dụng thương mại điện tử trong doanh nghiệp  
Phát triển kinh tế báo chí truyền thông số  
Ngành thời trang trên nền tảng thương mại điện tử

Số 631 - Tháng 3 năm 2023



**Công nghiệp và nông nghiệp  
trong quá trình phát triển kinh tế**

[www.ktcatbd.com.vn](http://www.ktcatbd.com.vn)



8938500883019

**TRỤ SỞ CHÍNH**

176 Thái Hà, Đống Đa, Hà Nội

**VĂN PHÒNG GIAO DỊCH**

Số 18 ngõ 49 Linh Lang, Ba Đình, Hà Nội

Hotline: 0888381299

Email: ktcatbd@gmail.com

**TỔNG BIÊN TẬP**

Lê Văn Sang

**PHÓ TỔNG BIÊN TẬP**

Lê Kim Sa (Việt Hà)

Nguyễn Hồng Phối

**HỘI ĐỒNG KHOA HỌC**

Trần Văn Thọ

Võ Đại Lược

Đặng Nguyễn Anh

Trần Đình Thiên

Lê Bộ Lĩnh

Nguyễn Đức Thành

Trần Đức Hiệp

Bùi Quang Tuấn

Phí Mạnh Tường

Hồ Đức Hiệp

Trần Thị Nam Thắng

Chu Văn Thắng

Tô Hiến Thà

**BAN TRỊ SỰ**

Hồng Huế: 0962002215

Email: lehonghue0511@gmail.com

**BAN THƯ KÝ - BIÊN TẬP**

Hoàng Dung: 0938016618

Email: hoangdung.brand@gmail.com

Vân Anh: 0903833489

Email: ktcatbd.nc@gmail.com

**GIẤY PHÉP XUẤT BẢN:** 1545/BC-GPXB;

175/GP-BVHTT; 274/GP-BTTTT

In tại Công ty in My link

Giá: 40.000 VND

04. Sự phối hợp công nghiệp và nông nghiệp trong quá trình phát triển kinh tế  
*Đỗ Thị Thanh Huyền*
07. Kinh nghiệm thúc đẩy liên kết giữa doanh nghiệp FDI và doanh nghiệp tư nhân nội địa của Thái Lan và Malaysia – bài học cho Việt Nam  
*Phạm Văn Hiếu*
10. Thực trạng chuyển đổi số trong kinh doanh bán lẻ dược phẩm Việt Nam  
*Nguyễn Thị Minh Hương*
13. Thực trạng ứng dụng thương mại điện tử trong các doanh nghiệp tại Việt Nam  
*Đặng Trung Tuyền, Nguyễn Thị Hồng*
16. Bàn về vấn đề phát triển kinh tế báo chí truyền thông số  
*Lâm Thị Minh Thu*
19. Sự phát triển của ngành thời trang Việt Nam qua nền tảng thương mại điện tử  
*Đào Thị Mầu Đơn, Tạ Vũ Lược*
22. Các nhân tố ảnh hưởng đến khả năng nắm giữ tiền của các doanh nghiệp niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam: tổng quan nghiên cứu  
*Nguyễn Trà Ngọc Vy, Đỗ Huyền Trang, Mai Thị Lệ Huyền, Lương Thị Thúy Diễm*
25. Nghiên cứu văn hóa tổ chức tại ngân hàng trách nhiệm hữu hạn một thành viên Woori Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương  
*Mai Văn Lương*
28. Đánh giá năng lực cạnh tranh của Khu kinh tế Nghi Sơn so với các khu kinh tế trong và ngoài nước  
*Nguyễn Tiến Hiệu, Lê Minh Thống*
31. Các nhân tố ảnh hưởng đến hành vi sử dụng thương mại điện tử của người tiêu dùng tại thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định trong bối cảnh bình thường mới: Mô hình nghiên cứu và thang đo  
*Trần Thị Thanh Nhân, Trịnh Thị Hiền Trang, Nguyễn Thị Mai Hoa, Nguyễn Thị Huyền Trang, Đặng Thị Thúy Loan, Nguyễn Phúc Nhân*
34. Thu hút lao động trong mỏ hầm lò tại Tập đoàn Than - Khoáng sản Việt Nam  
*Nguyễn Ngọc Khánh*
37. Tác động của đặc điểm đổi mới, đặc điểm người tiêu dùng đến kháng cự đổi mới trong ngành bán lẻ Việt Nam: vai trò trung gian của rào cản chức năng và rào cản tâm lý  
*Phạm Thị Châu Quyên, Trương Thành Trung, Nguyễn Thanh Tân, Huỳnh Công Danh*
40. Phân tích thực trạng đầu tư công cho cơ sở hạ tầng giao thông trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh  
*Nguyễn Phương Thanh, Trịnh Thị Trang*
43. Các nhân tố ảnh hưởng đến cam kết với công việc của người lao động  
*Phùng Việt Long*
46. Mối quan hệ của phong cách lãnh đạo và bầu không khí đổi mới sáng tạo trong các tổ chức  
*Nguyễn Trung Thùy Linh*
49. Một số nhân tố ảnh hưởng đến phát triển sản phẩm mới của doanh nghiệp  
*Vũ Việt Anh*
52. Đầu tư công Việt Nam: kinh nghiệm của tỉnh Thái Bình và một số gợi ý  
*Hồ Sĩ Lưu*
55. Phương hướng công tác phát triển kiểm toán ở nước ta hiện nay  
*Nguyễn Thị Nhung*
58. Chính sách thuế nhằm hướng tới mục tiêu tăng trưởng xanh: Kinh nghiệm của một số nước châu Á và khuyến nghị cho Việt Nam  
*Nguyễn Thị Lâm Anh*
61. Cảm nhận của người dân về một số chỉ báo đo lường an ninh kinh tế từ góc độ an ninh con người  
*Lưu Thị Lịch*

- 64.** Kế toán dự toán chi hoạt động tại các đơn vị hành chính, sự nghiệp  
*Nguyễn Thị Thọ*
- 66.** Nghiên cứu nhân tố ảnh hưởng đến tỷ suất sinh lời tại các ngân hàng thương mại cổ phần niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam  
*Phan Anh, Trần Việt Dũng, Nguyễn Thị Thùy Linh*
- 69.** Nâng cao hiệu quả đầu tư tài sản cố định tại Công ty Cổ phần Hà Bắc, Bắc Kạn  
*Trần Văn Dũng, Hoàng Thị Phương Linh*
- 72.** Phân tích doanh thu của doanh nghiệp ngành may Việt Nam: trường hợp Công ty Cổ phần đầu tư và thương mại TNG  
*Nguyễn Thị Thảo, Hoàng Thị Nguyệt*
- 75.** Phân tích khả năng sinh lợi của Công ty Cổ phần sợi Thế kỷ  
*Nguyễn Thị Thủy*
- 78.** Năng lực công chức Mặt trận tổ quốc trên địa bàn tỉnh Nghệ An: Thực trạng và giải pháp  
*Lê Văn Ngọc, Thái Thị Kim Oanh*
- 81.** Các yếu tố ảnh hưởng đến động lực làm việc của lao động nữ tại Công ty Cổ phần May Minh Anh Thọ Xuân  
*Trịnh Thị Liên, Nguyễn Hoài Nam*
- 84.** Một số giải pháp đẩy mạnh nghiên cứu khoa học trong sinh viên tại các trường đại học  
*Trần Thùy Linh, Lại Đức Anh, Nguyễn Hoa Mai, Nguyễn Thị Thu Trang, Dương Thị Quỳnh*
- 86.** Nâng cao hiệu quả hoạt động huy động vốn tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh Cốc Lếu Lào Cai  
*Lã Thị Kim Anh*
- 88.** Hoàn thiện kết toán quản trị tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG  
*Lại Thùy Linh*
- 90.** Một số thách thức của kiểm toán nội bộ và gợi ý giải pháp cho các ngân hàng thương mại Việt Nam  
*Lê Thị Mai Phương*
- 93.** Vai trò của ứng dụng công nghệ thông tin trong học tập các môn khoa học xã hội nhân văn đối với học viên dài hạn ở Học viện Quân y hiện nay  
*Nguyễn Đức Hưng, Phạm Minh Nghĩa, Lê Đình Quý*
- 95.** Thực trạng áp dụng công cụ tài chính chia sẻ rủi ro và bảo lãnh tín dụng thúc đẩy sử dụng năng lượng hiệu quả và tiết kiệm và hiệu quả tại Việt Nam  
*Nguyễn Thị Lê, Nguyễn Đạt Minh*
- 97.** Nghiên cứu so sánh lý thuyết hành vi hợp lý và lý thuyết có kế hoạch giới hạn: ứng dụng trong hành vi sử dụng ví điện tử  
*Nguyễn Thị Hoàng Yến, Trần Thanh Hương, Nguyễn Bảo Ngọc*
- 100.** High-performance human resource management practices and firm performance: Evidence from Vietnam  
*Trần Thăng Long*

# Đánh giá năng lực cạnh tranh của Khu kinh tế Nghi Sơn so với các khu kinh tế trong và ngoài nước

Nguyễn Tiến Hiệu

Ban Quản lý Khu Kinh tế Nghi Sơn

Lê Minh Thống

Khoa Kinh tế - QTKD, Trường Đại học Mở - Địa chất

Khu kinh tế (KKT) Nghi Sơn - tỉnh Thanh Hóa là một trong những khu kinh tế ven biển trọng điểm của Việt Nam được thành lập từ năm 2006 theo Quyết định số 102/QĐ-TTg. Đây là động lực trong việc phát triển của tỉnh Thanh Hóa nói riêng và khu vực phía Nam vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ. Mặc dù đã đạt được những thành tựu đáng khích lệ, tuy nhiên, trong bối cảnh sự cạnh tranh gay gắt giữa các KKT cả trong và ngoài nước thì KKT Nghi Sơn cần phải nâng cao năng lực cạnh tranh của mình. Do đó, cần có sự nhận diện về năng lực cạnh tranh hiện tại so với các KKT trong và ngoài nước để từ đó xây dựng ra các định hướng và giải pháp nâng cao năng lực cạnh tranh cho KKT Nghi Sơn.

## 1. Giới thiệu về khu kinh tế Nghi Sơn

Khu kinh tế Nghi Sơn nằm phía Nam tỉnh Thanh Hoá, trên trục giao thông Bắc - Nam của đất nước, cách Thủ đô Hà Nội 200 km về phía Nam, là cầu nối giữa vùng Bắc Bộ với Trung Bộ, Tây Bắc và Nam Bộ, với thị trường Nam Lào và Đông Bắc Thái Lan. Khu kinh tế Nghi Sơn có Cảng biển nước sâu, đã được quy hoạch xây dựng cụm cảng cho tàu 50.000 DWT cập bến. Cảng Nghi Sơn có tiềm năng phát triển thành một trong những cảng biển lớn nhất cả nước với năng lực xếp dỡ lên đến hàng trăm triệu tấn/năm.

Khu kinh tế Nghi Sơn có tổng diện tích 18.611,8 ha với phạm vi gồm 12 xã thuộc huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa, được xây dựng với mục tiêu phát triển thành KKT tổng hợp đa ngành, đa lĩnh vực với trọng tâm là công nghiệp nặng và công nghiệp cơ bản như: công nghiệp lọc hóa dầu, công nghiệp luyện cán thép cao cấp, công nghiệp sửa chữa và đóng mới tàu biển, công nghiệp nhiệt điện, công nghiệp vật liệu xây dựng, chế biến và xuất khẩu... Với tiềm năng lợi thế và vị trí thuận lợi KKT Nghi Sơn sẽ trở thành một khu vực phát triển năng động, một trọng điểm phát triển ở phía Nam của vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, tạo động lực mạnh để thúc đẩy, lôi kéo kinh tế - xã hội của tỉnh Thanh Hóa và các tỉnh lân cận phát triển nhanh, thu hẹp khoảng cách với vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ và với cả nước.

## 2. Hiện trạng năng lực cạnh tranh khu kinh tế Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa

### 2.1. Cơ sở hạ tầng

Là một trong năm KKT trọng điểm ven biển của cả nước, KKT Nghi Sơn đã nhận được sự quan tâm

của Chính phủ, các Bộ, Ngành trung ương ưu tiên nguồn vốn để đầu tư các công trình hạ tầng quan trọng và thiết yếu. KKT Nghi Sơn tập trung thu hút nguồn vốn xã hội hóa vào các dự án: đầu tư xây dựng bến cảng, hạ tầng KCN, hạ tầng xã hội... góp phần cùng với nguồn vốn ngân sách, từng bước đầu tư hoàn thiện kết cấu hạ tầng. Giai đoạn 2015 - 2020, KKT Nghi Sơn thu hút được 16 dự án đầu tư phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật và xã hội với tổng vốn đăng ký 16.936 tỷ đồng, vốn thực hiện đạt 5.132 tỷ đồng kể cả các dự án đầu tư chuyển tiếp từ giai đoạn trước.

Hệ thống cơ sở hạ tầng cứng (Cảng, đường xá, trường học, bệnh viện...) và hạ tầng mềm (Dịch vụ tài chính, viễn thông, du lịch, nghỉ ngơi, giáo dục, y tế ...) đang dần hoàn thiện. Để thu hút hơn nữa các nhà đầu tư, KKT Nghi Sơn cần tiếp tục hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng kỹ thuật cũng như các hạ tầng dịch vụ để đáp ứng sự phát triển của các doanh nghiệp.

### 2.2. Môi trường sống

Môi trường sống hay còn gọi là cơ sở hạ tầng xã hội của KKT. Xác định đây là yếu tố vừa trực tiếp thu hút đầu tư, vừa gián tiếp (môi trường sống tốt sẽ thu hút lao động ổn định công tác), vì vậy các yếu tố về môi trường sống cũng được quan tâm đầu tư xây dựng, cụ thể:

Về dịch vụ, bãi tập kết thiết bị, nhà ở tạm cho công nhân: Tỉnh đã chỉ đạo lập quy hoạch và kêu gọi đầu tư, đến nay đã cấp khoảng 300 ha diện tích đất để đầu tư dịch vụ, cơ bản đã đáp ứng được nhu cầu của KKT. Một số dự án đã đi vào hoạt động mang lại hiệu quả cao như: Khu nhà ở chuyên gia lọc hóa dầu Khu du lịch và nghỉ dưỡng Bắc đảo Nghi Sơn, Tổ hợp

dịch vụ tổng hợp KKT Nghi Sơn,...

Về y tế, giáo dục – đào tạo: Hệ thống trạm y tế và trường học từ mầm non đến trung học cũng được chính quyền địa phương quan tâm đầu tư. Một số trường nằm trong khu vực phải GPMB cũng đã được đầu tư hoàn thiện như: Trường PTTH Tỉnh Gia III, trường cấp mầm non, cấp 1, cấp 2 Hải Yến, xây dựng trường 2 cấp xã Hải Thượng để đáp ứng nhu cầu của con em các gia đình tái định cư.

Chính sách ưu đãi: Để khai thác tối đa những lợi thế về tự nhiên và nhằm khuyến khích thu hút các dự án đầu tư vào Nghi Sơn, Chính phủ đã ban hành cơ chế chính sách ưu đãi đặc biệt áp dụng cho các KKT nói chung và KKT Nghi Sơn tỉnh Thanh Hoá nói riêng. Theo đó, các nhà đầu tư sẽ được hưởng những chính sách ưu đãi cao nhất theo khung qui định của Nhà nước, được hưởng môi trường đầu tư thuận lợi và thông thoáng để sản xuất kinh doanh.

Tín dụng - Ngân hàng và du lịch dịch vụ: Các ngân hàng lớn như Công Thương, Ngoại Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn,... đã mở chi nhánh, văn phòng giao dịch tại KKT Nghi Sơn đáp ứng nhu cầu giao dịch tài chính của các doanh nghiệp và người dân. Các dự án dịch vụ, du lịch tăng nhanh trên địa bàn KKT.

Tuy nhiên, thực tế khảo sát tại KKT Nghi Sơn cho thấy, KKT đang trong giai đoạn xây dựng nên môi trường sống còn nhiều vấn đề bất cập như: nồng độ khói bụi cao, các trường học, trạm y tế chưa hoàn thiện, các khu vui chơi, giải trí gần như chưa có. Vì vậy, cần khoảng thời gian dài nữa môi trường sống tại KKT mới được cải thiện rõ nét.

### 3. Phân tích năng lực cạnh tranh khu kinh tế Nghi Sơn so với các khu kinh tế cùng loại trong nước và trên thế giới

#### 3.1. So sánh khu kinh tế Nghi Sơn với các khu kinh tế cùng loại trên thế giới

Dựa theo lý luận về các tiêu chí đánh giá về năng lực cạnh tranh khu kinh tế, KCN ở các nước, đa phần các nghiên cứu chỉ tập trung vào các yếu tố mang tính lợi thế đặc trưng của KKT như: vị trí địa lý, tài nguyên tự nhiên, quy mô nền kinh tế, khả năng chi đầu tư cơ sở hạ tầng, và các ưu đãi về thuế. Đây là những khía cạnh mang tính cố định cao, khó thay đổi trong thời gian ngắn (Bogoviz et al, 2016). Ngược lại, hầu như không có nghiên cứu nào tập trung vào khía cạnh khả năng hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư và hoạt động của KKT. Vì vậy, trong khuôn khổ nghiên cứu này, tác giả tập trung vào khung phân tích về chỉ số cạnh tranh tổng thể về mức độ hỗ trợ doanh nghiệp được đề xuất bởi ngân hàng thế giới.

**Bảng 1: Chỉ số cạnh tranh chung về mức độ hỗ trợ doanh nghiệp giữa KKT Nghi Sơn với các KKT tại các nước ASEAN**

	Việt Nam (KKT Nghi Sơn)	Philippines	Thái Lan	Malaysia	Indonesia	Singapore	Campuchia
Hỗ trợ khởi sự kinh doanh	115	171	47	126	140	4	187
Hỗ trợ xin các loại giấy phép	25	85	34	2	110	5	178
Hỗ trợ tiếp cận nguồn lực đầu vào	27	32	6	4	33	19	146
Hỗ trợ đăng ký tài sản	64	120	67	33	106	21	129
Hỗ trợ tiếp cận tín dụng	25	132	48	37	48	37	25
Bảo vệ nhà đầu tư	97	72	3	2	37	3	128
Nộp thuế và các nghĩa vụ xã hội	109	95	68	80	81	7	138
Cơ chế thương mại qua biên giới	104	113	62	49	116	47	118
Giải quyết tranh chấp hợp đồng	68	152	37	35	139	1	182
Giải quyết phá sản DN	122	65	24	40	38	27	82

Nguồn: WB, 2021

Các chỉ số cạnh tranh tổng thể về mức độ hỗ trợ doanh nghiệp chỉ ra rằng điểm mạnh tương đối của KKT nhằm khả năng hỗ trợ xin các loại giấy phép; hỗ trợ tiếp cận nguồn lực đầu vào và hỗ trợ tiếp cận tín dụng. Trong khi đó, khả năng hỗ trợ khởi sự kinh doanh; Nộp thuế và các nghĩa vụ xã hội; và Giải quyết phá sản doanh nghiệp được xem như những điểm yếu lớn nhất.

Liên quan đến đánh giá so sánh nỗ lực cạnh tranh của các KKT ở các quốc gia có thể nhận thấy: Các KKT ở Singapore hầu như dẫn đầu ở mọi chỉ số. Đối với các nước còn lại, các KKT ở Malaysia có điểm mạnh tương đối về khả năng hỗ trợ xin các loại giấy phép, hỗ trợ đăng ký tài sản; Thái Lan có điểm mạnh tương đối về khả năng hỗ trợ khởi sự kinh doanh, bảo vệ nhà đầu tư, nộp thuế và các nghĩa vụ xã hội; các KKT ở Philippines có điểm mạnh tương đối về khả năng hỗ trợ tiếp cận nguồn lực đầu vào; Indonesia có điểm mạnh tương đối về khả năng giải quyết phá sản; các KKT ở Campuchia có điểm mạnh về khả năng hỗ trợ tiếp cận tín dụng.

KKT Nghi Sơn (Việt Nam) có điểm mạnh về hỗ trợ xin các loại giấy phép và hỗ trợ tiếp cận tín dụng so với các KKT tại các nước khác thuộc ASEAN. Công tác cải cách hành chính ở KKT Nghi Sơn tiếp tục được thực hiện quyết liệt, với mục tiêu xây dựng “cơ quan hành chính phục vụ”, thực hiện giảm từ 30-60% thời gian giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) so với quy định. Năm 2019, đã tổ chức tiếp nhận 1.250 hồ sơ giải quyết TTHC; tiếp nhận và xử lý 7.129 văn bản đến, ban hành 4.412 văn bản đi đúng quy định của pháp luật. Năm 2020, Ban Quản lý tiếp KKT Nghi Sơn tục tập trung các nguồn lực để đầu tư có trọng tâm, trọng điểm; đồng thời, huy động các nguồn lực để phát triển nhanh, đồng bộ hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật. Cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh để thu hút đầu tư; hỗ trợ doanh nghiệp tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án, nhất là các dự án có vốn đầu tư lớn, trọng điểm nhằm tạo động lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Nâng cao hiệu quả công tác cải cách hành chính, tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính. Chú trọng công tác lập, quản lý quy hoạch, trật tự xây dựng, đất đai, bảo vệ môi trường, giải quyết việc làm ổn định

và nâng cao chất lượng đời sống cho người lao động.

Qua việc so sánh dựa trên các tiêu chí trong khung phân tích này, có thể chỉ ra những thực tiễn tốt được triển khai. Từ đó, thúc đẩy việc học hỏi để tác động tích cực lên năng lực cạnh tranh, năng suất và hiệu quả của các KKT. Các chỉ số chủ yếu được đánh giá trên các tiêu chí: số lượng thủ tục, thời gian, chi phí và chỉ số đo lường chất lượng các quy định (WB, 2021).

### **3.2. So sánh năng lực cạnh tranh KKT Nghi Sơn so với các khu kinh tế cùng loại trong nước**

Khu kinh tế ở Việt Nam là khu vực có không gian kinh tế riêng biệt, với môi trường đầu tư và kinh doanh thuận lợi và bình đẳng, có các công trình hạ công nghiệp và hạ tầng xã hội hiện đại. Các KKT với các chính sách ưu đãi, khuyến khích, cùng với cơ chế quản lý thông thoáng tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư, đặc biệt là đầu tư nước ngoài.

Với tiềm năng lợi thế và vị trí thuận lợi, KKT Nghi Sơn là một trong những KKT ven biển phát triển năng động, một trọng điểm phát triển ở phía Nam của vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, tạo động lực mạnh để thúc đẩy, lôi kéo kinh tế - xã hội của tỉnh Thanh Hóa và các tỉnh lân cận phát triển nhanh, thu hẹp khoảng cách với vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ và với cả nước.

Để so sánh năng lực cạnh tranh giữa các KKT trong nước, tác giả dựa vào các chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh theo PCI 2021. Có thể thấy rằng KKT là đại diện tiêu biểu cho hoạt động kinh tế ở mỗi tỉnh, vậy nên ngược lại chỉ số cạnh tranh cấp tỉnh cũng có thể sử dụng để phản ánh môi trường hoạt động kinh doanh ở các địa phương khác nhau hiện nay.

Đứng vị trí thứ hai trong bảng xếp hạng PCI 2021 là Hải Phòng với KKT Đình Vũ - Cát Hải đạt điểm số là 70,61 điểm. Thời gian qua, thành phố đã tập trung tháo gỡ kịp thời những vướng mắc nảy sinh trong hoạt động sản xuất kinh doanh thông qua đối thoại trực tiếp hằng tháng giữa doanh nghiệp với lãnh đạo UBND thành phố và các sở, ngành chức năng. Việc ký cam kết công khai và sau đó đề nghị doanh nghiệp và báo chí theo dõi và giám sát việc thực hiện các cam kết là một bước đi thay đổi rất tích cực của thành phố quan trọng cửa ngõ Đông Bắc của cả nước. Những nỗ lực của thành phố Hải Phòng trong năm qua đã giúp thành phố cải thiện 17 bậc về xếp hạng Tính minh bạch, 10 bậc về Tính năng động và tiên phong của chính quyền địa phương và 2 bậc trong xếp hạng về Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp.

KKT Nghi Sơn (Thanh Hóa) có điểm số là 63,21 điểm, ở mức trung bình so với điểm số của các KKT ven biển khác trong nước. Nằm trên trục giao lưu

Bắc - Nam của đất nước, Khu kinh tế Nghi Sơn là 1 trong 8 khu kinh tế ven biển trọng điểm của cả nước, có dự án Lọc hóa dầu Nghi Sơn, Cảng biển Nghi Sơn,... đã trở thành một đô thị công nghiệp trọng điểm năng động với nhiều tiềm năng và lợi thế phát triển. Thời gian qua, Thanh Hóa đã thực hiện nhiều giải pháp tạo mọi điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư được hưởng những chính sách ưu đãi cao nhất theo khung quy định của Nhà nước, được hưởng môi trường đầu tư thuận lợi và thông thoáng để sản xuất kinh doanh tại Khu kinh tế Nghi Sơn, với mục tiêu đưa Nghi Sơn trở thành một khu kinh tế tổng hợp đa ngành, đa lĩnh vực, trọng tâm là công nghiệp nặng và công nghiệp cơ bản như: công nghiệp lọc hóa dầu, công nghiệp luyện cán thép cao cấp, cơ khí chế tạo, công nghiệp điện, công nghiệp vật liệu xây dựng, sản xuất hàng tiêu dùng, chế biến và xuất khẩu... gắn với việc xây dựng khai thác có hiệu quả cảng biển Nghi Sơn, hình thành vùng kinh tế trọng điểm, tạo động lực mạnh để thúc đẩy kinh tế - xã hội của tỉnh Thanh Hóa và các tỉnh lân cận phát triển nhanh, thu hẹp khoảng cách với vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ và với cả nước.

## **4. Kết luận**

Qua phân tích chỉ số cạnh tranh của Khu kinh tế Nghi Sơn với các quốc gia trong khu vực ASEAN và các Khu kinh tế khác trong nước giúp chúng ta có một cái nhìn toàn diện, tổng thể về năng lực cạnh tranh của KKT Nghi Sơn hiện nay. Từ đó, thấy được các vấn đề còn tồn tại cần khắc phục nhằm từng bước nâng cao năng lực cạnh tranh của khu kinh tế Nghi Sơn trong thời gian tới./.

## **Tài liệu tham khảo**

Bogoviz, A. V., Ragulina, Y. V., & Kutukova, E. S. (2016). Economic zones as a factor of increased economic competitiveness of the region. *International Journal of Economics and Financial Issues*, 6(8S).

Ban quản lý KKT Nghi Sơn (2015), Chương trình phát triển KKT Nghi Sơn và các KCN giai đoạn 2016-2020

Ban quản lý KKT Nghi Sơn (2016, 2017, 2018, 2019, 2020), Báo cáo hoạt động hàng năm của Ban quản lý KKT Nghi Sơn

Edmund J. Malesky, 2022. Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) của Việt Nam năm 2021.

Ishida, M., 2009. Special Economic Zones and Economic Corridors (Working Paper No. d019). Economic Research Institute for ASEAN and East Asia (ERIA).